

Bản án số: **14/2018/HS-ST**

Ngày: **12/03/ 2018**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Nguyễn Thái Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn H**, sinh ngày 10/10/1999 tại huyện K; nơi cư trú: xóm 7A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Văn H và bà Phạm Thị M; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: Tại quyết định số 36 ngày 14/6/2017 Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính Trần Văn H 1.500.000đ về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, H chưa thi hành khoản tiền phạt. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/11/2017, chuyển tạm giam từ ngày 21/11/2017; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 14/11/2003; nơi cư trú: xóm 8B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

+ Đại diện theo pháp luật của bị hại: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974; nơi cư trú: xóm 8B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình (là bố đẻ). Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Đỗ Văn C, SN 1962; nơi cư trú: xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1999, trú tại xóm 8B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Phạm Văn T, sinh ngày 14/6/2003; nơi cư trú: xóm 7A T, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Anh Tô Văn C, sinh ngày 28/10/2003; nơi cư trú: xóm 7A T, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị M, sinh năm 1977; nơi cư trú: xóm 7A T, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/3/2017, Trần Văn H đi từ nhà ra cổng gặp Nguyễn Tuấn V (SN 2003, ở xóm 8B, xã C, huyện K) đang đứng cạnh xe máy BKS 35AK – 006.09 màu trắng bạc cùng với các bạn Phạm Văn T và Tô Văn C (đều SN 2003 và ở cùng xóm 7A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình) đang đứng gần cổng nhà T. Khi H biết xe máy trên là của V thì H nói với V: “chờ anh ra ngoài đây tý”, V trả lời “Bọn em còn phải đi học” thì H nói “Chờ anh ra ngoài này tý rồi về luôn” được V, T và C đồng ý. H điều khiển xe máy chở cả ba ngồi sau đến trường Trung học cơ sở xã C. Khi đến cổng trường H tiếp tục nói “chờ anh ra đây đón bạn”. Lúc này T và C vào trường học, còn V đồng ý để H điều khiển xe đi theo đường trục xã về phía cổng Điện Biên thuộc TT.B. Trên đường đi H thấy em V hiền lành nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của V. Khi tới cổng Điện Biên, H dừng xe, nói V “Đứng đây chờ anh, anh đi ra đây tý quay lại đón”. V xuống xe thì H điều khiển xe máy vào đề B 1 rồi sang xã K theo đề Càn qua xã L, huyện K, mang xe sang cầm cố cho ông Đỗ Văn C ở xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa lấy 10.000.000đ, H không về nhà mà mang tiền đi tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 21/4/2017 ông Nguyễn Văn H là bố đẻ Nguyễn Tuấn V trình báo Công an huyện K.

Quá trình điều tra Trần Văn H đã bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 19/11/2017 bị Phòng truy nã tội phạm Công an tỉnh Ninh Bình bắt truy nã, tại thời điểm bắt bị cáo đã đủ 18 tuổi.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, Trần Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Đại diện theo pháp luật của người bị hại đề nghị xử lý bị cáo đúng pháp luật.

Tại kết luận định giá tài sản số 09/HĐ-ĐG ngày 12/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện K kết luận: Xe máy nhãn hiệu SYM EX50 mang BKS 35AK – 006.09 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 10.800.000đ.

Bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 19/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

-Tuyên bố: Trần Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

-Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2017.

- Căn cứ Điều 136 BLTT2015 và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH 14, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và 500.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi của mình đã thực hiện chiều ngày 03/3/2017 như tóm tắt nội dung vụ án của tòa án đã nêu trên. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và vật chứng thu giữ là chiếc xe máy hiệu SYM EX50 mang biển kiểm soát AK-006.09; kết luận định giá tài sản số 09/HĐ-ĐG ngày 12/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện K.

[3] Từ những chứng cứ đó, đã có đầy đủ cơ sở kết luận ngày 03/03/2017 bị cáo Trần Văn H đã thủ đoạn gian dối nói với cháu Nguyễn Tuấn V đi đón bạn để được giao chiếc xe máy mang BKS 35AK – 006.09, trị giá 10.800.000đ sau đó đem đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân của Trần Văn H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ hành vi đó của bị cáo cần được xử lý nghiêm. Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội đối với trẻ em quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 48 BLHS năm 1999. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo phạm tội khi chưa thành niên cần áp dụng các Điều 69, 71 BLHS năm 1999 khi xử lý đối với bị cáo.

[5] Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng khi phạm tội chưa đủ tuổi thành niên nhưng phạm tội đối với trẻ em, sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra vụ án; Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện và nhân thân của bị cáo HĐXX thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội nhằm giáo dục cải tạo bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Đối với ông Đỗ Văn C người đã cầm cố chiếc xe máy SYM EX50 mang BKS 35 AK – 006.09 của Trần Văn H quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định việc cầm cố là ngay tình, ông C không biết được tài sản bị cáo cầm

cổ do bị cáo trộm cắp mà có; tuy nhiên do ông C cầm cố tài sản nhưng không có giấy phép hành nghề kinh doanh cầm đồ đã có hành vi cho vay tiền có thể chấp tài sản không đúng sở hữu chủ nhưng không có văn bản ủy quyền của sở hữu chủ là vi phạm khoản 5 điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP; Cơ quan điều tra đã kiến nghị công an huyện N, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính đối với ông C là phù hợp; mặc dù ông C không phạm tội “ tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng chưa thực hiện đúng nghĩa vụ công dân của mình nên nhắc nhở ông sau này phải tuân thủ và thực hiện đúng pháp luật, nghĩa vụ công dân của mình trong cuộc sống.

[7] Về xử lý vật chứng: chiếc xe máy nhãn hiệu SYM EX50 mang BKS 35 AK – 006.09 mà V sử dụng là do V mượn xe của chị gái mình là Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1999, trú tại xóm 8B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện K đã thu hồi và trả lại cho chị Y, chị Y cũng như đại diện theo pháp luật của người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì; việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 106 BLTTHS năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[8] Về trách nhiệm dân sự: ông Đỗ Văn C yêu cầu H bồi thường lại số tiền 10.000.000đ khi nhận cầm cố chiếc xe máy trên, căn cứ Điều 42 BLHS năm 1999 cần buộc bị cáo phải trả lại cho ông C số tiền 10.000.000đ này.

[9] Về án phí: căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/ NQUBTVQH14; buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 500.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 139; các điểm h, p, khoản 1 Điều 46; điểm h, khoản 1, Điều 48; các Điều 69,71; khoản 1, Điều 42 BLHS năm 1999.

Khoản 2, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị Quyết 326/2016/ NQUBTVQH14

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2017.

3. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn H phải bồi thường cho ông Trần Văn C số tiền 10.000.000đ.

4. Án phí: buộc bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án trong ứng thời gian chờ thi hành án theo quy định tại điều 357 và 468 BLDS.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã C;
- Bị cáo; người bị hại
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ; VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh